CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Phát triển Đô thị

Ngày 30/09/2024	8,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	**-1.1%**	**-4.1%**

DT thuần
Q3/24
4.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.17| -51.7%
YoY: ▼5.12| -51.5%

LN thuần
Q3/24
1.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.83| -63.5%
YoY: ▼2.50| -60.6%

LN sau thuế
Q3/24
1.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.24| -63.9%
YoY: ▼2.01| -61.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
33.5%
YoY: +/-▼ 10.5%

ROE (TTM)
Q3/24
4.2%
YoY: +/-▼ 0.9%

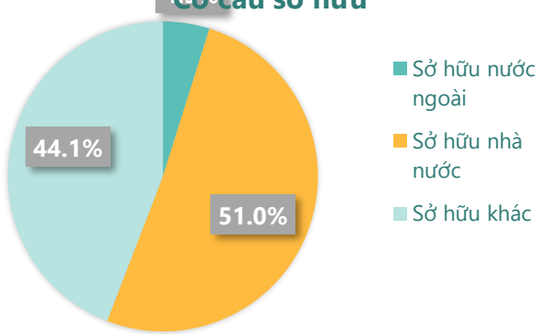
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,864 - 9,736
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	145
Số lượng CPLH (CP)	16,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,695
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	0.38
EPS	624
P/E	14.1

DT thuần
9T 2024
19.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.9| -39.4%

LN thuần
9T 2024
7.45
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.35| -42.0%

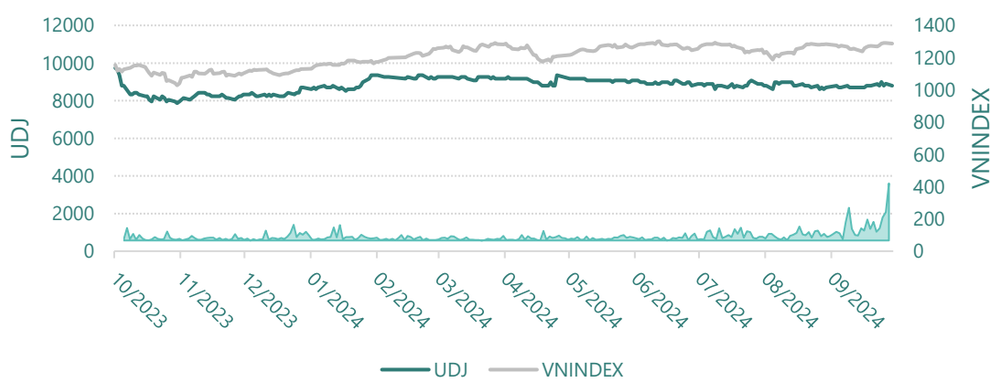
LN sau thuế
9T 2024
5.83
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.27| -42.6%

Cơ cấu sở hữu

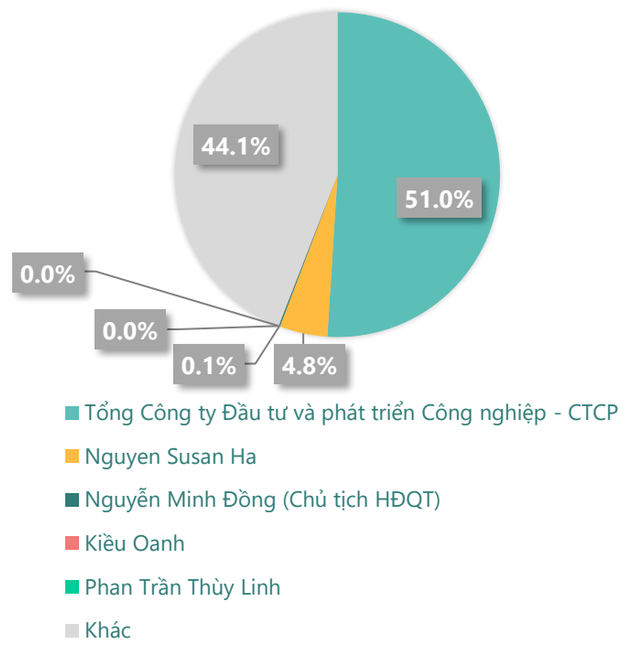


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



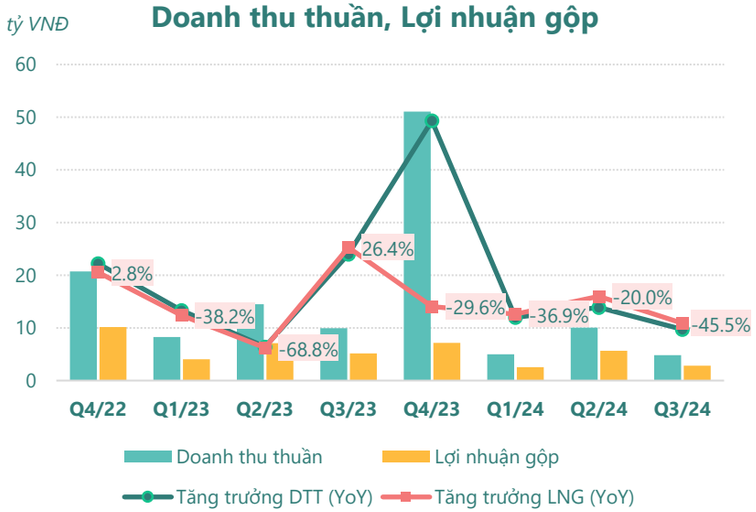
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

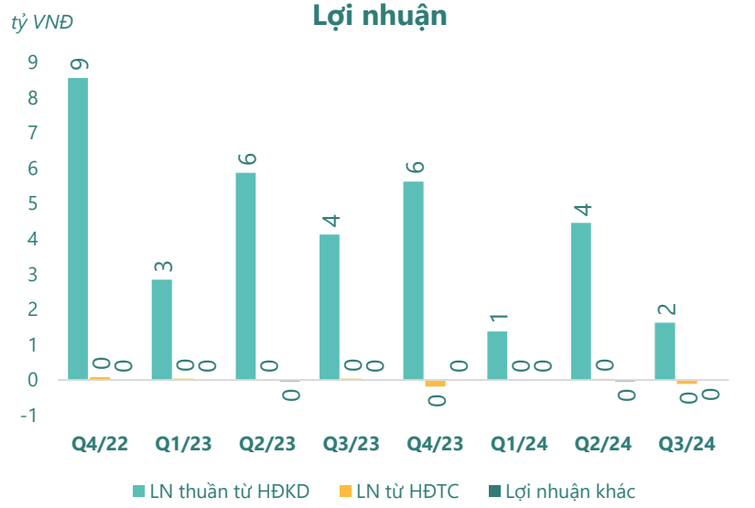
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



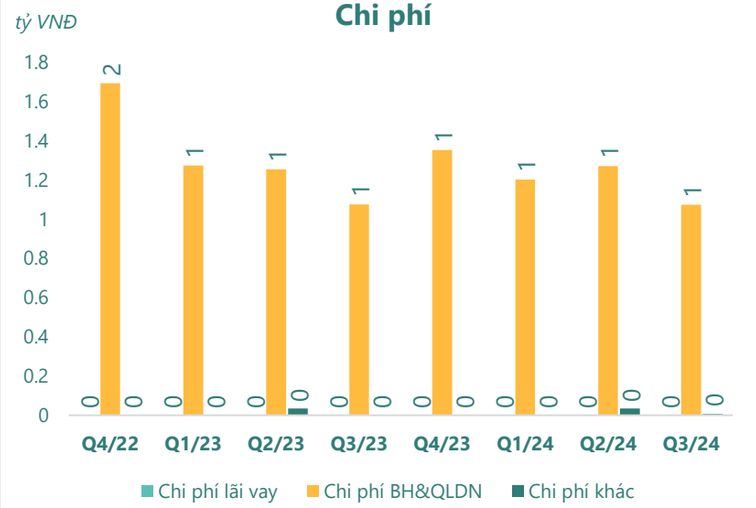
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



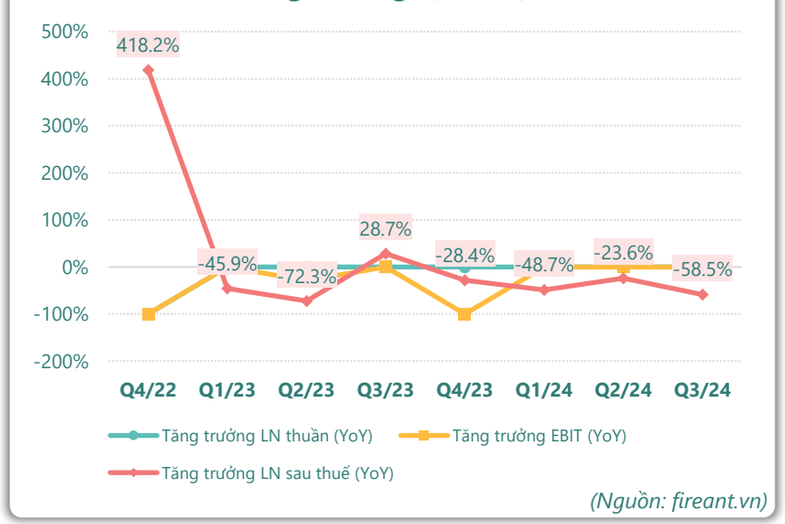
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



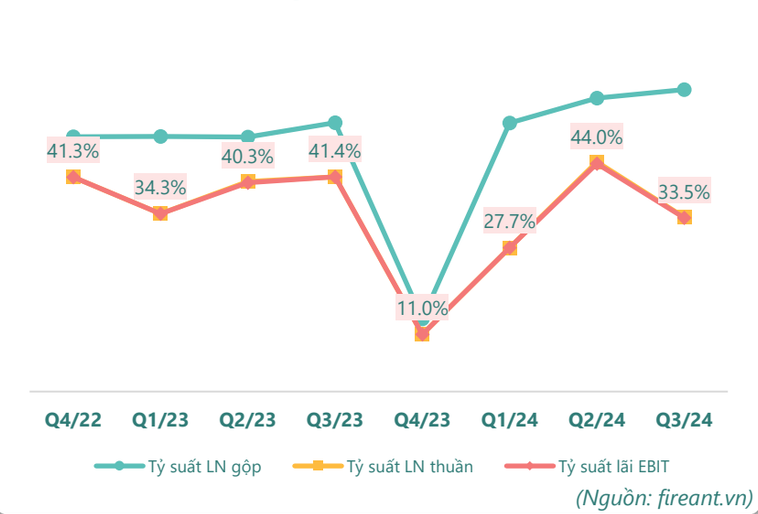
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



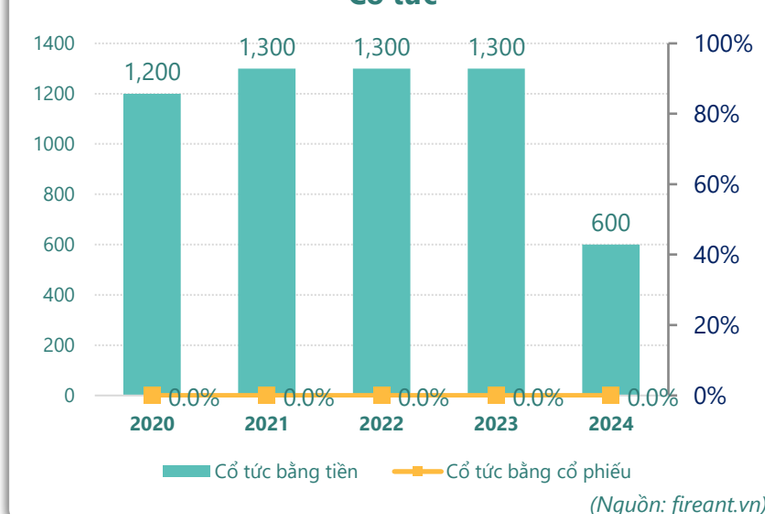
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

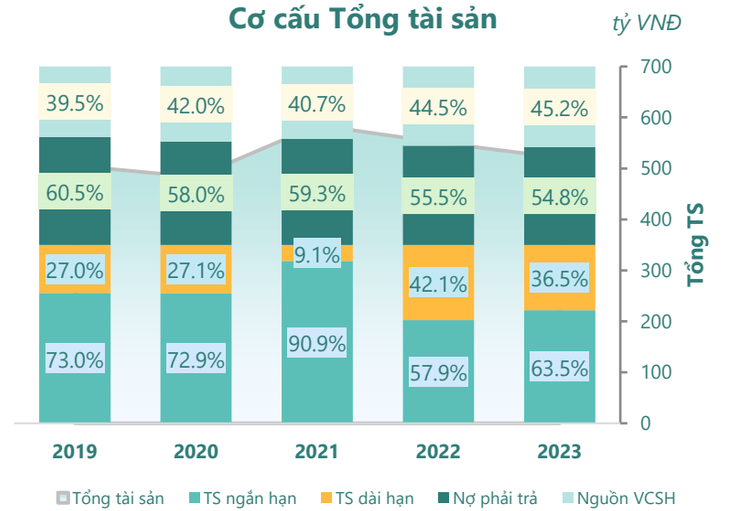
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

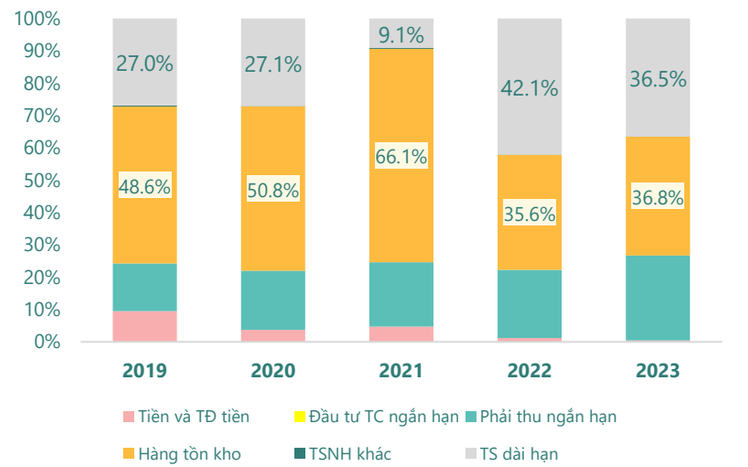
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



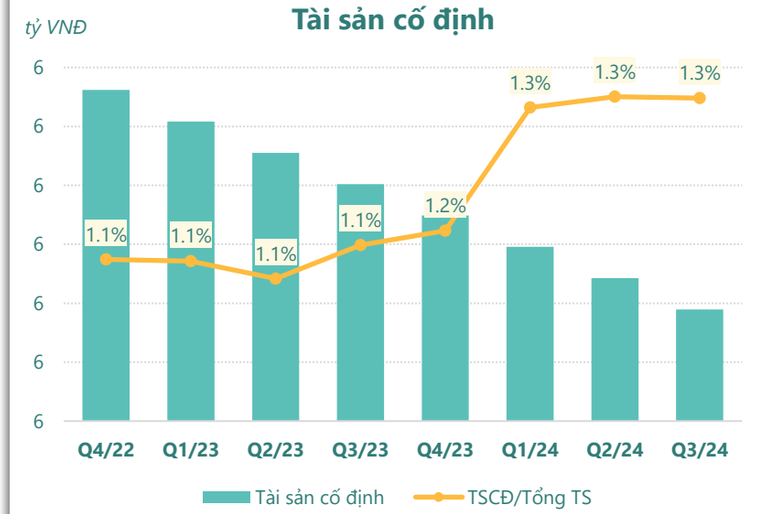
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



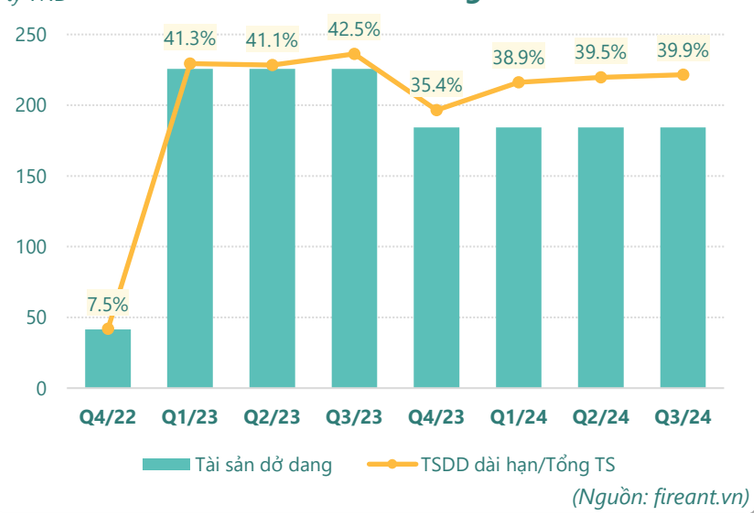
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



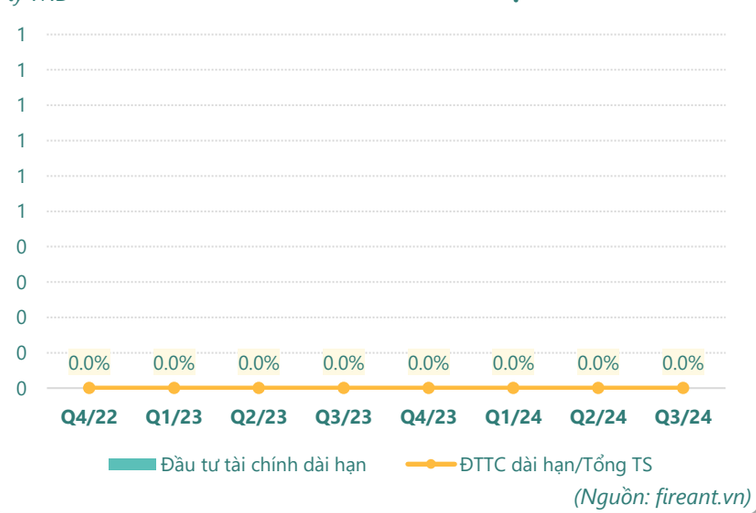
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



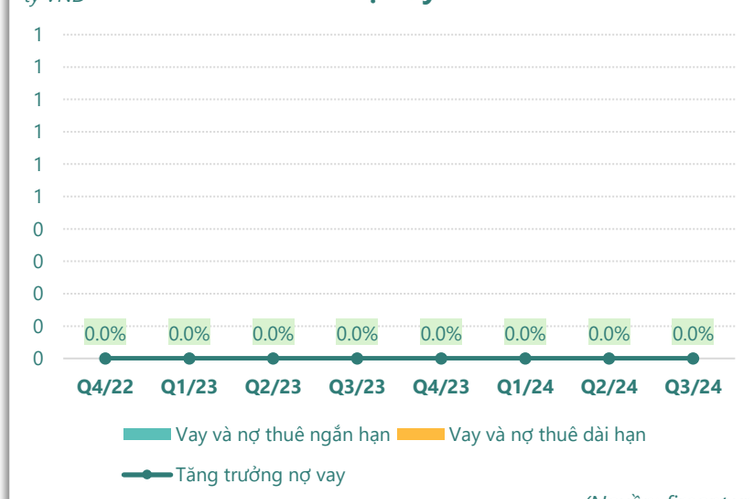
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

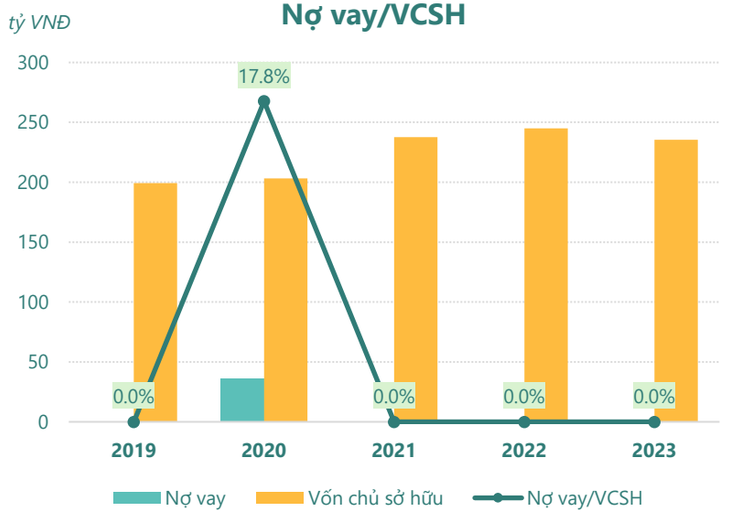
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

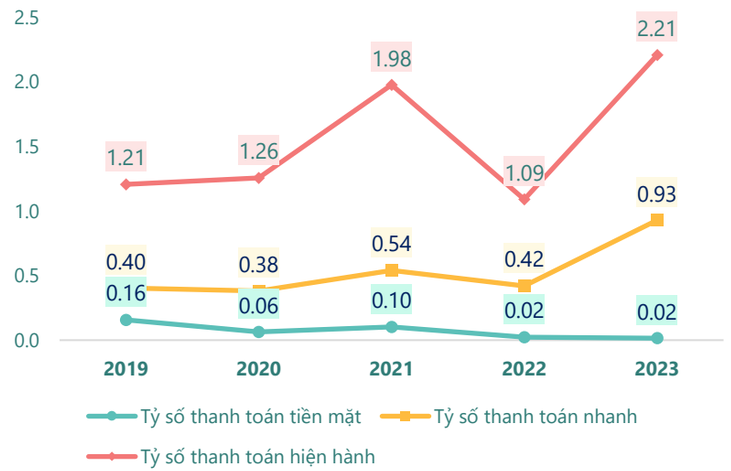
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



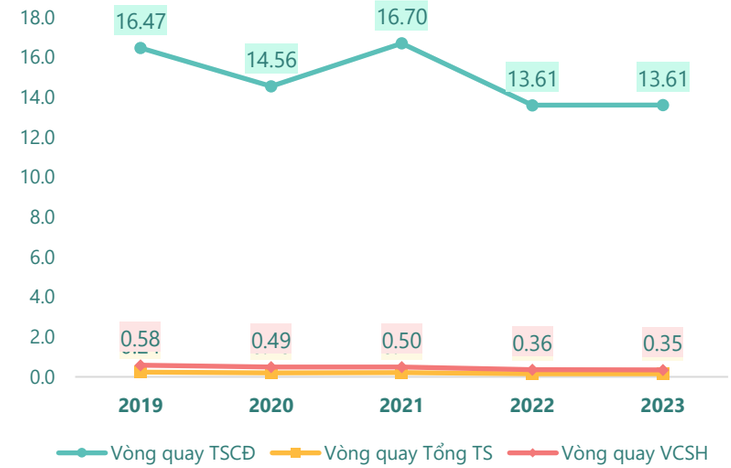
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



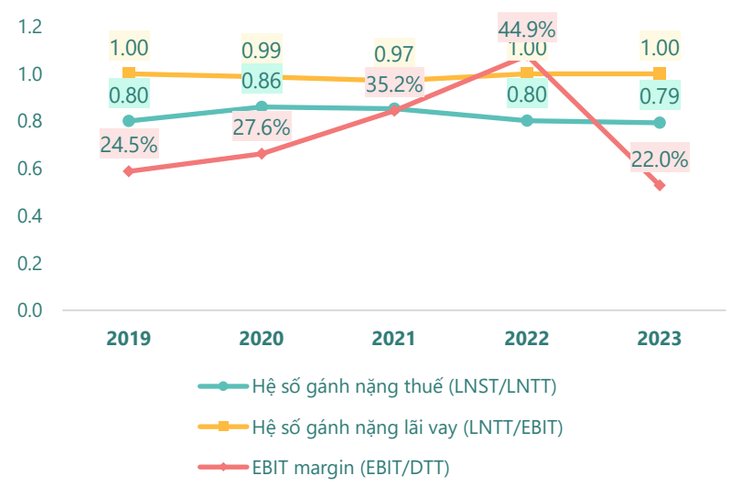
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



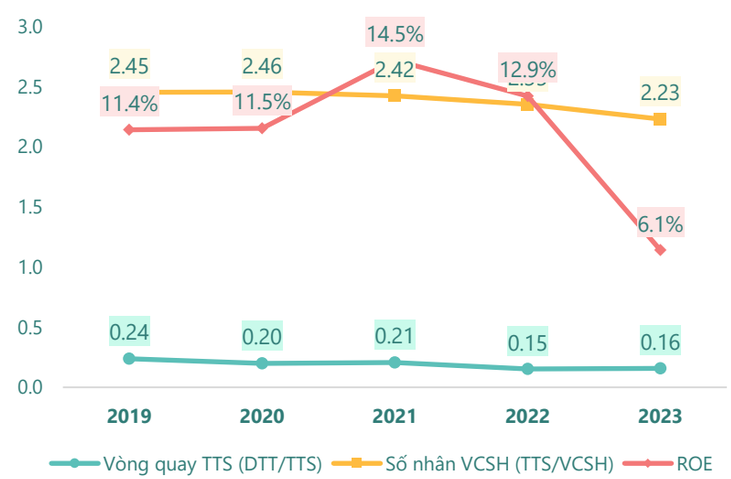
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



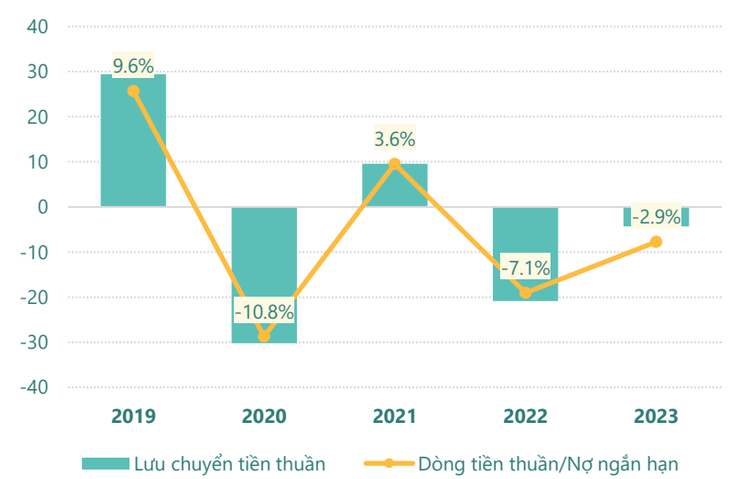
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.83**	**9.95**	**-51.5%**	**19.8**	**32.7**	**-39.4%**
Giá vốn hàng bán	2.02	4.79	-57.9%	8.77	16.4	-46.5%
Lợi nhuận gộp	2.81	5.16	-45.5%	11.1	16.3	-32.3%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.04	3.0%	0.08	0.10	-12.8%
Chi phí TC	0.15	0.00		0.15	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.07**	**1.08**	**-0.5%**	**3.55**	**3.60**	**-1.5%**
LN thuần từ HĐKD	1.62	4.12	-60.6%	7.45	12.8	-42.0%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.04**	**-0.03**	**-19.9%**
LN trước thuế	1.62	4.12	-60.8%	7.41	12.8	-42.1%
Lợi nhuận sau thuế	**1.26**	**3.27**	**-61.4%**	**5.83**	**10.1**	**-42.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.26**	**3.27**	**-61.4%**	**5.83**	**10.1**	**-42.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.95	11.9	-1.58	5.78	9.60	-0.97
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.03	0.01	0.01	0.02	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.13	0	-10.2	-0.07	-11.0	-0.28
Tiền đầu kỳ	3.13	2.07	14.0	2.27	7.98	6.58
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.06**	**12.0**	**-11.8**	**5.71**	**-1.40**	**-1.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.07	14.0	2.27	7.98	6.58	5.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**462**	**521**	**-11.2%**
Tài sản ngắn hạn	272	330	-17.7%
Tiền và tương đương tiền	5.38	2.27	137%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.8	137	-38.7%
Hàng tồn kho	183	191	-4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.04	31.8%
Tài sản dài hạn	**190**	**190**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.89	6.05	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	184	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	222	285	-22.1%
Nợ ngắn hạn	**86.4**	**150**	**-42.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	54.2	-50.7%
Nợ dài hạn	136	136	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**240**	**236**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**240**	**236**	**2.0%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)